TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày: 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh Dương

Ông Trần Xuân Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Vân – Thư ký tòa án Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn Ng, sinh năm 1977 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ 43, khu 9, phường T, thành phố V, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Minh Đ và con bà Vũ Thị Nh; vợ là chị Triệu Thị Th; con: 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 110 ST/HS ngày 09/12/1997 của Toà án nhân dân thành phố V xử phạt Đỗ Văn N 24 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy"; Bản án số 217/ HSST ngày 17/10/1998 của Toà án nhân dân tỉnh P xử phạt Đỗ Văn N 9 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (N đã chấp hành xong hình phạt tù của cả hai bản án ngày 14/11/2006); Bản án số 150/2012/HSST ngày 21/6/2012 của Toà án nhân dân thành phố V xử phạt Đỗ Văn N 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích); bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2018, hiện tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

- Bị hại: Chị Trần Thị Thu Q, sinh năm1989; trú tại: khu 4, phường T, thành phố V, tỉnh P (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 43, khu 9, phường T, thành phố V, tỉnh P (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 19/10/2018, chị Trần Thị Thu Q mang chiếc xe mô tô của mình nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 19B1-226.56 của đến cửa hàng rửa xe của Đỗ Văn N để thuê Ngrửa. Sau khi rửa xe xong, chị Qmở cốp xe lấy ví và rút ra 20.000 đồng để trả tiền công cho N, sau đó cất ví vào cốp. Thấy ví của chị Q có nhiều tiền nên Ngọc đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. N nói với chị Quỳnh là ốc trục bánh sau xe lỏng, cần siết lại để an toàn nên chị Q tưởng thật nhờ Ngọc siết lại ốc. Sau khi vặn ốc xong, Ng bảo chị Q đưa chìa khóa xe để N đi thử xe, nhằm mục đích tìm cách trộm cắp tiền trong cốp xe. Chị Q giao khóa xe cho N còn N một mình điều khiển xe mô tô của chị Q đi theo đường T rồi rẽ vào đường dân sinh ra phía khu vực Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh P thì dừng xe lại, mở cốp xe, trộm cắp trong ví của chị Q số tiền 6.900.000 đồng. N đúc toàn bộ số tiền lấy được vào túi quần bên phải của N và để ví lại cốp xe, sau đó điều khiển xe quay trở lại cửa hàng. Tại đây, N đưa khóa xe cho chị Qvà vờ siết lại ốc xe một lần nữa rồi mới giao xe để chị Q đi về. Chị Q về tới nhà đã phát hiện mất số tiền 6.900.000 đồng nên quay lại hỏi N có lấy số tiền để trong cốp xe không nhưng Ngọc không thừa nhận nên đã báo công an để làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận số tiền 6.900.000 đồng trộm cắp được đã chi tiêu cá nhân hết 4.500.000 đồng, còn 2.400.000 đồng N cất giấu tại cửa hàng rửa xe. Chị Triệu Thị Th (vợ N) đã tự nguyện nộp lại số tiền 2.400.000đ mà N cất giấu tại cửa hàng và N đã đề nghị chị Thủy bồi thường thay N số tiền còn lại. Tại cơ quan điều tra, Chị Q đã nhận lại đủ số tiền 6. 900.00đ đã mất, không có đề nghị gì đối với N.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSVT ngày 09/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã gọi điện về cho vợ để chị T nộp thay N số tiền 2.400.000đ mà Ngọc đã cất giấu tại cửa hàng rửa xe và đã tác động để chị T nộp thay N số tiền 4.500.000đ để trả lại cho chị Q.

Chị Triệu Thị T xác nhận lời trình bày của N là đúng và chị không đề nghị N phải trả lại cho chị số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo; đề nghị để xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ân hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tống đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Bị hại là chị Trần Thị Thu Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy quá trình điều tra, bị hại đã có lời khai đầy đủ, đã nhận lại toàn bộ số tiền đã mất và không có ý kiến gì đối với bị cáo nên sự vắng mặt của bị hại tại phiên tòa cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại là không vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung:*

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19/10/2018, tại tổ 43, khu 9 phường T, thành phố V, tỉnh P, Đỗ Văn N lợi dụng việc rửa xe và chỉnh sửa xe mô tô cho chị Trần Thị Thu Q đã lén lút chiếm đoạt 6.900.000đ (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng) trong cốp xe mô tô của chị Q. Quá trình điều tra, Ng thừa nhận hành vi phạm tội và cùng gia đình đã bồi thường toàn bộ khoản tiền đã trộm cắp cho chị Q. Chị Q đã nhận lại toàn bộ số tiền trên và không có đề nghị gì. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu của cá nhân được nhà nước bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng do mục đích tư lợi vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

N không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử 03 lần về các tội "Tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy", "Cố ý gây thương tích", "Trộm cắp tài sản"; đã chấp hành xong toàn bộ các bản án và đã được xóa án tích năm 2016. N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ "tự nguyện bồi thường thiệt hại", "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, với nhân thân xấu, đáng lẽ phải buộc N chấp hành hình phạt trong trại giam mới đảm bảo cải tạo, răn đe nhưng tội phạm mà N thực hiện là tội ít nghiêm trọng; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định; có khả năng tự cải tạo nên buộc N chịu hình phạt tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là thể hiện sự nhân đạo của pháp luật đối với Ngọc.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đến 50 triệu đồng nhưng qua xác minh thì thấy các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Triệu Thị T (vợ bị cáo N) đã nộp lại số tiền 2.400.000đ tiền còn lại N cất giấu và tự nguyện bồi thường 4.500.000đ cho chị Q. Chị Q nhận đủ số tiền 6.900.000 đồng và không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra việc xem xét về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 4.500.000đ chị T nộp thay bị cáo N để bồi thường cho chị Q, chị T không đề nghị Ngọc phải trả lại nên không đặt ra việc xem xét là phù hợp.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 2.400.000đ còn lại N cất giấu tại cửa hàng rửa xe, chị T vợ N đã nộp lại cơ quan điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho chị Q là phù hợp.

[3] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xö ph¹t bÞ c¸o Đỗ Văn N 15 (Mười lăm) th¸ng tï, cho h-ëng ¸n treo. Thời gian thö th¸ch 30 (Ba mươi) tháng. Thêi hạn thö th¸ch tÝnh tõ ngµy tuyªn ¸n s¬ thÈm.

Giao bÞ c¸o Đỗ Văn N cho UBND phường T, thµnh phè V, tØnh P gi¸m s¸t, gi¸o dôc trong thêi gian thö th¸ch của án treo. Gia ®×nh bÞ c¸o N cã tr¸ch nhiÖm phèi hîp víi chÝnh quyÒn ®Þa ph-¬ng trong viÖc gi¸m s¸t, gi¸o dôc bÞ c¸o trong thêi gian thö th¸ch. Trong tr-êng hîp ng-êi ®-îc h-ëng ¸n treo thay ®æi n¬i c- tró thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND thành phố V, tỉnh P;
- Công an thành phố V, tỉnh P;
- THA HS, DS thành phố V, tỉnh P;
- UBND phường T, thành phố V, tỉnh P;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường